

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 121/2007/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 27 tháng 7 năm 2007

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	
Số:.....	Ngày:.....
ĐẾN	
Chuyên:.....	

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới các trường đại học và cao đẳng giai đoạn 2006 - 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 34/2006/NQ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về phiên họp thường kỳ tháng 11 năm 2006;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tại tờ trình số 6526/TTr-BGDĐT ngày 25 tháng 6 năm 2007 về đề án "Quy hoạch mạng lưới các trường đại học và cao đẳng Việt Nam giai đoạn 2006 - 2020",

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới các trường đại học và cao đẳng giai đoạn 2006 - 2020 với các nội dung chính như sau:

1. Quan điểm Quy hoạch

Xây dựng, phát triển mạng lưới các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2006 - 2020 được thực hiện theo những định hướng cơ bản sau đây:

a) Mở rộng hợp lý quy mô đào tạo đại học, đáp ứng yêu cầu của công nghiệp hóa và hiện đại hóa; phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và tiềm lực khoa học công nghệ của đất nước; góp phần nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực và đào tạo nhân tài; thực hiện điều chỉnh cơ cấu hệ thống đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, thực hiện đào tạo theo nhu cầu xã hội; gắn công tác đào tạo với nghiên cứu khoa học và đời sống xã hội;

Kiểm: Vụ KHTC
Định: Vụ Sáo gửi Bộ Tg,
Các đề Thủ Tg
và các địa vị
liên quan
30/7

b) Kết hợp hài hòa giữa việc khai thác mặt tích cực của cơ chế thị trường với việc nâng cao hiệu quả, hiệu lực công tác quản lý nhà nước; nhà nước tăng cường đầu tư ngân sách, đào tạo, bồi dưỡng giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục đại học; tạo quỹ đất xây dựng trường; thực hiện công bằng xã hội; ban hành chính sách hỗ trợ vùng khó khăn, hỗ trợ người học thuộc các đối tượng ưu tiên, khuyến khích học tập, đồng thời đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục nhằm huy động mọi nguồn lực xã hội tham gia phát triển giáo dục đại học;

c) Thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về chính sách, quy hoạch, chất lượng đào tạo, chuẩn giảng viên, các yêu cầu về quản lý tài chính, hợp tác quốc tế đối với các trường đại học, cao đẳng. Tăng cường phân cấp quản lý, nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các trường đại học, cao đẳng; xây dựng một số trường đại học, cao đẳng mạnh, hình thành các cụm đại học; khắc phục hiện trạng manh mún, phân tán của mạng lưới, nhiều trường nhỏ, đào tạo đơn ngành, chuyên môn hẹp; khuyến khích sự phối hợp giữa các địa phương trong việc mở trường;

d) Phát triển mạng lưới các trường đại học, cao đẳng phải phù hợp với chiến lược phát triển và điều kiện kinh tế - xã hội, tiềm lực khoa học công nghệ của đất nước, gắn với từng vùng, từng địa phương; xây dựng cơ cấu ngành nghề, trình độ đào tạo, bố trí theo vùng miền hợp lý; xây dựng một số trung tâm đào tạo nhân lực trình độ cao, gắn với các vùng kinh tế trọng điểm, vùng kinh tế động lực; hình thành một số trung tâm đào tạo nguồn nhân lực tập trung theo vùng, một số khu đại học, đáp ứng yêu cầu di dời của các trường trong khu vực nội thành thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và nhu cầu đầu tư mới;

đ) Bảo đảm đạt các tiêu chí quy định về chất lượng đội ngũ giảng viên, quy mô diện tích đất đai, cơ sở vật chất - kỹ thuật - trang thiết bị, phù hợp với khả năng đầu tư của ngân sách nhà nước, sự huy động nguồn lực xã hội;

e) Ưu tiên thành lập các cơ sở mới có đủ tiềm lực và điều kiện; hạn chế việc nâng cấp các cơ sở hiện có; khuyến khích đào tạo những ngành, nghề thuộc lĩnh vực công nghiệp; cân đối hợp lý cơ cấu đào tạo giữa các trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề, giữa các ngành nghề, giữa khoa học cơ bản, khoa học kỹ thuật - công nghệ; bảo đảm tính liên thông giữa các loại hình, các trình độ đào tạo;

g) Tập trung đầu tư xây dựng các trường đẳng cấp quốc tế, các trường trọng điểm, các trường ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, các lĩnh vực then chốt; khuyến khích phát triển các trường tự thực nhằm huy động ngày càng nhiều hơn nguồn lực xã hội đầu tư cho giáo dục đại học, trên cơ sở bảo đảm chất lượng, công bằng xã hội, gắn với phát triển nhân tài.

2. Mục tiêu Quy hoạch

a) Phấn đấu đạt 200 sinh viên/1 vạn dân vào năm 2010; 300 sinh viên/ vạn dân vào năm 2015 và 450 sinh viên/1 vạn dân vào năm 2020. Đến năm 2020 có khoảng 70 - 80% sinh viên đại học được đào tạo theo các chương trình nghề nghiệp - ứng dụng và 20 - 30% sinh viên được đào tạo theo các chương trình nghiên cứu;

b) Đến năm 2020 có từ 30 đến 40% sinh viên học tại các cơ sở giáo dục đại học tư thực;

c) Đến năm 2010 có trên 40% giảng viên đại học và trên 30% giảng viên cao đẳng có trình độ thạc sĩ trở lên; có trên 25% giảng viên đại học và 5% giảng viên cao đẳng có trình độ tiến sĩ;

Đến năm 2015: 70% giảng viên đại học và trên 50% giảng viên cao đẳng có trình độ thạc sĩ trở lên; có trên 50% giảng viên đại học và ít nhất 10% giảng viên cao đẳng có trình độ tiến sĩ;

Đến năm 2020 có trên 90% giảng viên đại học và trên 70% giảng viên cao đẳng có trình độ thạc sĩ trở lên; có trên 75% giảng viên đại học và ít nhất 20% giảng viên cao đẳng có trình độ tiến sĩ.

d) Sau năm 2010 diện tích đất đai và diện tích xây dựng của các trường đạt chuẩn định mức quy định về diện tích tính bình quân trên 1 sinh viên; hình thành các khu đại học dành cho các trường đại học nước ngoài đầu tư vào Việt Nam;

đ) Vào năm 2010 bảo đảm đủ giáo trình, tài liệu dành cho sinh viên theo quy định đối với các môn học, ngành học;

e) Đến năm 2010 có 10 trường đại học mà mỗi trường có ít nhất 1 khoa (ngành) hoặc lĩnh vực đào tạo đạt tiêu chí chất lượng tương đương so với các trường có uy tín trên thế giới; đến năm 2015 có 20 trường đại học đạt tiêu chí nêu trên và năm 2020 có 1 trường đại học được xếp hạng trong số 200 trường đại học hàng đầu thế giới;

g) Thu hút đạt tỷ lệ trên 0,1% vào sau năm 2010; 1,5% vào sau năm 2015 và 5% vào năm 2020 số lượng sinh viên là người nước ngoài so với tổng số sinh viên cả nước đến học tập, nghiên cứu tại Việt Nam.

3. Nội dung Quy hoạch

a) Tổng quy mô đào tạo đại học, cao đẳng:

- Nâng dần quy mô tuyển sinh mới hàng năm của cả mạng lưới để đạt mục tiêu tuyển khoảng 420.000 sinh viên trong năm 2010; gần 600.000 sinh viên trong năm 2015 và 1.200.000 sinh viên trong năm 2020;

- Tổng quy mô đào tạo đại học, cao đẳng của cả mạng lưới đạt khoảng 1,8 triệu người vào năm 2010; 3,0 triệu người vào năm 2015 và 4,5 triệu người vào năm 2020.

b) Quy mô đào tạo của các trường đại học

Quy mô đào tạo của các trường đại học, cao đẳng được xác định trên cơ sở bảo đảm các điều kiện, yếu tố ảnh hưởng chất lượng như: số lượng, chất lượng giảng viên, cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành, ký túc xá sinh viên, khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác đào tạo, quản lý nhà trường ..., đồng thời được cân đối phù hợp với đặc điểm của các trường, ngành nghề đào tạo, bậc đào tạo và năng lực quản lý để bảo đảm chất lượng đào tạo ngày càng được nâng cao. Định hướng quy mô đào tạo (số lượng sinh viên đã quy đổi theo hình thức đào tạo chính quy) của các nhóm trường đại học, cao đẳng như sau:

- Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh: khoảng 42.000 sinh viên;

- Các trường đại học trọng điểm khác: khoảng 35.000 sinh viên;

- Các trường đại học, học viện đào tạo các ngành nghề kỹ thuật - công nghệ, kinh tế, luật, sư phạm và các lĩnh vực khác có gắn với kinh tế - kỹ thuật: khoảng 15.000 sinh viên quy đổi;

- Các trường đại học, học viện đào tạo các ngành nghề y tế, văn hoá - xã hội: khoảng 8.000 sinh viên;

- Các trường đại học, học viện đào tạo các ngành năng khiếu: khoảng 5.000 sinh viên;

- Các trường cao đẳng đa ngành, đa cấp: khoảng 8.000 sinh viên;

- Các trường cao đẳng đào tạo theo lĩnh vực công nghệ và trường cao đẳng cộng đồng: khoảng 5.000 sinh viên;

- Các trường cao đẳng đào tạo các ngành năng khiếu: khoảng 3.000 sinh viên.

c) Ngành nghề đào tạo:

- Các ngành, nghề ưu tiên: một số ngành trong lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn; công nghệ thông tin; công nghệ cơ điện tử và tự động hoá; công nghệ sinh học; công nghệ vật liệu mới; một số ngành, nghề kỹ thuật và công nghệ đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá và hiện đại hoá; đào tạo giáo viên và chuyên gia trình độ cao trong lĩnh vực dịch vụ;

- Điều chỉnh cơ cấu số lượng sinh viên được đào tạo theo nhóm các ngành, nghề để đến năm 2020 đạt tỷ lệ như sau: khoa học cơ bản 9%; sư phạm 12%; công nghệ - kỹ thuật 35%; nông - lâm - ngư 9%; y tế 6%; kinh tế - luật 20% và các ngành khác 9%.

d) Cơ cấu trình độ đào tạo:

- Giảm dần tỷ trọng sinh viên đại học so với tổng số sinh viên đại học, cao đẳng từ mức chiếm 78,4% năm 2005 xuống mức chiếm 72% vào năm 2010; chiếm 64% vào năm 2015 và chiếm 56% vào năm 2020;

- Tiếp tục thành lập mới các trường trung cấp chuyên nghiệp và mở rộng các chương trình đào tạo trung cấp chuyên nghiệp trong các trường cao đẳng, cao đẳng cộng đồng;

- Nghiên cứu phát triển hệ cao đẳng 2 năm.

đ) Loại hình cơ sở giáo dục đại học gồm:

- Trường công lập;

- Trường tư thục;

- Trường có vốn đầu tư nước ngoài (100% vốn hoặc liên kết, liên doanh).

e) Hệ thống các cơ sở giáo dục đại học gồm:

- Đại học quốc gia;

- Các đại học;

- Các trường đại học, học viện, trường cao đẳng, trường cao đẳng cộng đồng.

g) Phân tầng mạng lưới trường đại học, cao đẳng gồm:

- Các trường đại học được xếp hạng trong nhóm 200 trường hàng đầu thế giới;

- Các trường đại học đào tạo định hướng nghiên cứu;

- Các trường đại học, cao đẳng đào tạo định hướng nghề nghiệp - ứng dụng.

h) Phân bố mạng lưới trường đại học, cao đẳng theo vùng như sau:

- Các thành phố Hà Nội; Đà Nẵng - Huế; thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ là các trung tâm đào tạo, có nhiều trường đại học, cao đẳng;

- Vùng Tây Bắc: hiện có 5 trường (1 đại học và 4 cao đẳng). Dự kiến năm 2020 có khoảng 10 trường vào năm 2020 (3 trường đại học và 7 trường cao đẳng);

- Vùng Đông Bắc: hiện có 25 trường (6 đại học, 19 cao đẳng). Dự kiến có khoảng 37 trường vào năm 2020 (10 đại học và 27 cao đẳng);

- Vùng đồng bằng sông Hồng: hiện có 104 trường (61 đại học, 43 cao đẳng). Dự kiến có khoảng 125 trường vào năm 2020;

- Vùng Bắc Trung Bộ: hiện có 22 trường (11 đại học và 11 cao đẳng). Dự kiến có khoảng 45 trường vào năm 2020;

- Vùng duyên hải Nam Trung Bộ: hiện có 31 trường (10 đại học và 21 cao đẳng). Dự kiến có khoảng 60 trường vào năm 2020;

- Vùng Tây Nguyên: hiện có 10 trường (4 đại học và 6 cao đẳng). Dự kiến có khoảng 15 trường vào năm 2020;

- Vùng Đông Nam Bộ: hiện có 90 trường (47 trường đại học và 43 trường cao đẳng). Dự kiến có khoảng 105 trường vào năm 2020;

- Vùng đồng bằng sông Cửu Long: hiện có 24 trường (6 đại học và 18 cao đẳng). Dự kiến có khoảng 70 trường vào năm 2020.

i) Phân bố sinh viên, mạng lưới trường theo 3 vùng kinh tế trọng điểm:

- Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ (gắn với vùng đồng bằng sông Hồng): điều chỉnh giảm dần tỷ lệ sinh viên của vùng chiếm từ 43% vào năm 2005 xuống còn 42% vào năm 2010 và 40% vào năm 2020 so với tổng quy mô sinh viên của cả nước. Thu hút đầu tư thành lập một số trường đại học 100% vốn nước ngoài hoặc liên doanh, liên kết trong nước và nước ngoài;

- Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung (gắn với vùng duyên hải Nam Trung Bộ): thành lập mới thêm một số trường đại học, cao đẳng, trong đó ưu tiên thành lập ở khu vực Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định nhằm đáp ứng yêu cầu nhân lực cho công nghiệp hoá và hiện đại hoá của các tỉnh miền Trung. Điều chỉnh tăng dần tỷ lệ sinh viên của vùng chiếm từ 8,3% vào năm 2005 tăng lên 10% vào năm 2010 và đạt 15% vào năm 2020 so với tổng quy mô sinh viên của cả nước;

- Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam (gắn với vùng Đông Nam Bộ): điều chỉnh giảm dần tỷ lệ sinh viên của vùng chiếm từ 26% hiện nay xuống 25% vào năm 2010 và 24% vào năm 2020 so với tổng quy mô sinh viên của cả nước. Thu hút đầu tư thành lập một số trường đại học 100% vốn nước ngoài hoặc liên doanh, liên kết trong nước và nước ngoài.

4. Giải pháp thực hiện

a) Nhóm giải pháp về đầu tư, huy động vốn:

- Từng bước tăng đầu tư ngân sách nhà nước cho giáo dục đại học, đồng thời tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước;

- Đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục;

- Thu hút các nguồn vốn ODA và FDI đầu tư cho giáo dục đại học;

- Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, cung cấp các dịch vụ chất lượng cao theo nhu cầu xã hội nhằm tăng thu nhập cho các trường.

b) Nhóm các giải pháp về phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục đại học:

- Bổ sung số lượng, nâng cao chất lượng giảng viên đại học, cao đẳng để đạt định mức quy định về tỷ lệ sinh viên trên giảng viên đối với các trường đại học, cao đẳng, các nhóm ngành nghề đào tạo;

- Hỗ trợ công tác đào tạo, bồi dưỡng giảng viên đại học, cao đẳng (kể cả ở các trường công lập và tư thục). Triển khai chương trình đào tạo 20.000 tiến sĩ để bổ sung và nâng cao chất lượng giảng viên đại học, cao đẳng;

- Xây dựng, ban hành Quy chế làm việc đối với giảng viên đại học, cao đẳng;

- Xây dựng và thực hiện chính sách tiền lương mới phù hợp đối với giảng viên đại học, cao đẳng;

- Ban hành chính sách thu hút, sử dụng các nhà khoa học thuộc các viện nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước tham gia giảng dạy ở trường đại học, cao đẳng;

- Đổi mới công tác đánh giá giảng viên đại học, cao đẳng, thông qua nhiều hình thức và gắn với sinh viên;

- Xây dựng kế hoạch đào tạo sau đại học dành riêng cho các vùng khó khăn.

c) Nhóm các giải pháp tăng cường cơ sở vật chất:

- Hỗ trợ các trường về đất đai. Diện tích đất tối thiểu đối với trường cao đẳng có quy mô khoảng 3.000 sinh viên là 6ha; có khoảng 5.000 sinh viên là 10ha và có khoảng 7.000 sinh viên là 15ha. Diện tích tối thiểu đối với trường đại học có quy mô khoảng 5.000 sinh viên là 10ha; có khoảng 15.000 sinh viên là 30ha và có khoảng 25.000 sinh viên là từ 40ha trở lên;

Đối với những trường công lập có diện tích quá nhỏ (dưới 2ha) ở trong khu vực nội thành các thành phố lớn cần có giải pháp chuyển đổi đất và các công trình xây dựng trên phần đất để di dời ra khu vực mới vùng ngoại thành có diện tích từ 10ha trở lên.

- Ban hành các cơ chế tạo điều kiện cho các trường chủ động khai thác các nguồn lực đầu tư nhằm đổi mới cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị;

- Tăng cường năng lực và nâng cao chất lượng hoạt động của thư viện ở các trường; hình thành hệ thống thư viện điện tử kết nối các trường trên cùng địa bàn, cùng một vùng và trên phạm vi toàn quốc;

- Thiết lập mạng thông tin toàn cầu và mở rộng giao lưu quốc tế cho tất cả các trường đại học, cao đẳng trong nước;

- Quy hoạch, sắp xếp lại công tác xuất bản giáo trình, sách và tài liệu tham khảo;

- Tập trung đầu tư hiện đại hoá trang thiết bị phòng học, giảng đường; nâng cao chất lượng các hoạt động dịch vụ cho sinh viên;

- Đầu tư cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới các khu ký túc xá sinh viên, nhất là đối với các trường ở khu vực thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh; khuyến khích đầu tư xây dựng một số khu đại học thuộc các vùng Bắc Bộ, Nam Bộ và Trung Bộ;

- Tăng cường sự phối hợp giữa các viện, trung tâm nghiên cứu khoa học và công nghệ và các trường đại học trong công tác đào tạo, nghiên cứu; xây dựng một số phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia thuộc các trường đại học trọng điểm, trường đầu ngành; gắn nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản với các trường đại học trên cơ sở bảo đảm các điều kiện, chất lượng. Từng bước hỗ trợ hình thành, phát triển các cơ sở thực nghiệm về công nghệ ở các trường cao đẳng.

d) Nhóm các giải pháp về quản lý:

- Xây dựng và ban hành các tiêu chí cụ thể về thành lập trường đại học, cao đẳng, mở các mã ngành đào tạo. Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các điều lệ, quy chế tổ chức và hoạt động của các loại hình trường đại học, đáp ứng yêu cầu mới;

- Triển khai đại trà công tác đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục đại học; thực hiện định kỳ xếp hạng các trường đại học, cao đẳng;

- Xây dựng Trung tâm Dự báo nhu cầu nguồn nhân lực nhằm cung cấp các dữ liệu thống kê, thông tin, dự báo đầy đủ, chính xác, phục vụ cho công tác quy hoạch phát triển ngành và cơ sở đào tạo;

- Thực hiện đa ngành hoá, đa lĩnh vực hoá đối với các trường đại học, cao đẳng đơn ngành;

- Cùng cố, nâng cao năng lực, chất lượng đào tạo của các trường, khoa sư phạm, sư phạm kỹ thuật;

- Nghiên cứu việc phân cấp quản lý các trường đại học, cao đẳng phù hợp với điều kiện thực tiễn. Bộ Giáo dục và Đào tạo tập trung quản lý nhà nước đối với giáo dục đại học, các trường trọng điểm, trường đầu ngành, trường có vốn đầu tư nước ngoài;

- Tăng cường quản lý công tác tuyển sinh, đào tạo của các trường, đáp ứng các tiêu chí bảo đảm chất lượng do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định;

- Xây dựng, ban hành các chính sách hỗ trợ cụ thể nhằm đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục, phát triển các trường đại học tư thục, trường đại học có vốn đầu tư nước ngoài.

5. Các giai đoạn triển khai

a) Giai đoạn từ năm 2006 đến năm 2010:

Cùng với việc thành lập các trường mới có chất lượng, phù hợp quy hoạch, bổ sung cho mạng lưới cần tập trung vào việc củng cố, tăng cường đầu tư; mở rộng diện tích, đất đai, bổ sung đội ngũ giảng viên, thiết bị, cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng đào tạo của các cơ sở giáo dục đại học hiện nay; nghiên cứu, điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách nhằm đổi mới, tăng cường quản lý chất lượng giáo dục đại học.

b) Giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2020:

Tập trung phát triển mạnh đội ngũ giảng viên, nâng chất lượng các trường đại học, cao đẳng lên một bước; đẩy mạnh hội nhập quốc tế, áp dụng các chương trình đào tạo tiên tiến; tạo bước chuyển biến cơ bản trong việc đổi mới phương pháp đào tạo ở các trường; tiếp tục phát triển, mở rộng mạng lưới trường đại học, cao đẳng một cách phù hợp, theo đúng Quy hoạch.

Điều 2. Tổ chức thực hiện quy hoạch

Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan, các địa phương, các trường đại học, cao đẳng cụ thể hoá nội dung Quy hoạch này thành các chương trình, kế hoạch triển khai cụ thể để chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện hàng năm và từng giai đoạn, định kỳ tổng hợp kết quả thực hiện Quy hoạch, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Các Bộ, ngành, địa phương, các cơ sở giáo dục đại học có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Bộ Giáo dục và Đào tạo để quán triệt, tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch này; chủ động xây dựng định hướng, kế hoạch phát triển, củng cố mạng lưới trường đại học, cao đẳng thuộc phạm vi quản lý và trên địa bàn của mình, góp phần từng bước hoàn thiện có chất lượng mạng lưới trường đại học, cao đẳng của cả nước, gắn với các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

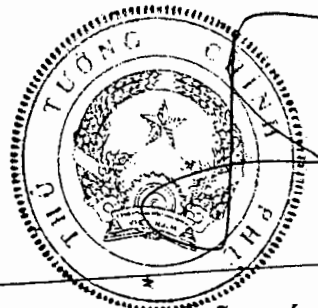
Quyết định này thay thế Quyết định số 47/2001/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2001 - 2010.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Website Chính phủ, Ban Điều hành 112, Người phát ngôn của Thủ tướng Chính phủ, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KG (5b). *xh 305*

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 117 / SY

SAO Y BẢN CHÍNH

Hà Nội, ngày 1 tháng 8 năm 2007

Nơi nhận:

- Bộ trưởng;
- Các Thứ trưởng;
- Các Vụ: TCCB, ĐH&SĐH, HTQT, KHCN, HSSV GDQP, GDCN, Pháp chế;
- Các đơn vị: TTrà Bộ, VP Bộ, VP ĐD Bộ GD&ĐT tại TP Hồ Chí Minh, Cục Khảo thí và KĐCLGD; Cục Nhà giáo và CB QLGD, Cục CNTT;
- Viện CL và CTGD, HV QLGD; Trường CBQLGD & ĐT II
- TT LĐ Hướng nghiệp;
- Lưu VT, Vụ KHTC;

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH



Nguyễn Văn Ngữ